

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 11/2022/DS-ST

Ngày: 23-02-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Lý

Bà Lâm Thị Loan Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Anh B, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa H, xã Định H, huyện Gò Q, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Mỹ P, xã Mỹ B, thị xã Ngã N, tỉnh Sóc Trăng (theo giấy ủy quyền ngày 05 tháng 07 năm 2021).

- Bị đơn:

1. Ông Thái Văn B, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Vĩnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn Thị P (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Vĩnh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05-7-2021 và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Phạm Thị D trình bày:

Ông Trương Anh B có cho ông B vay số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng), sau đó ông B có gửi trả cho ông B được 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) thì không trả nữa. Nên vào ngày 10/8/2018 ông B chốt nợ ông B còn nợ ông B số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Ông B nhiều lần yêu cầu ông B trả nợ nhưng ông B chỉ hứa không thực hiện. Sau đó, ông B có gọi điện cho ông B xin hẹn đến vụ lúa trả đủ, nên ông B có ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa ông B và ông B, trong đoạn nói chuyện này ông B thừa nhận còn nợ tiền của ông B. Còn việc ông B cho rằng gửi cho ông T trả cho ông B 20.000.000 đồng là không có. Việc vay tiền không có mặt của bà P vợ ông B, không làm giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất, hẹn vài tháng trả, vay mục đích chi tiêu trong gia đình, nhưng đến nay chưa trả.

Nay ông B yêu cầu ông B và bà P liên đới trả số tiền 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông Thái Văn B trình bày:

Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông B do không có vay tiền của ông B, vì trước đây ông có làm ăn với ông B mua lúa cho ông B, ông có nhận tiền cọc lúa của ông B 27.000.000 đồng không nhớ thời gian nào, không làm giấy tờ nhưng cách đây khoảng 3- 4 năm. Ông thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm do ông B cung cấp là giọng nói của ông nhưng cuộc nói chuyện đó là tiền cọc mua lúa chứ không phải tiền vay, sau khi kết nợ ông còn nợ lại ông B 27.000.000 đồng hẹn sau vụ lúa sẽ trả đủ, số tiền cọc trên để mua lúa cho ông B, nếu có ít tiền lời thì chi xài cho cá nhân chứ không chi tiêu cho gia đình.

Số tiền 27.000.000 đồng ông đã trả cho ông B 03 lần, lần thứ nhất trả 7.000.000 đồng đưa cho ông T có mặt của ông B, do ông B thuê ông T đến đòi nợ, còn lần thứ 2 và lần thứ 3 trả chỉ có một mình cho ông T nhận dùm để trả cho ông B, ông không nhớ số tiền 02 lần trả nhưng đã trả đủ và không nhớ thời gian trả, không làm giấy tờ, ông không rõ họ tên, địa chỉ của ông T ở đâu.

Nay ông không đồng ý trả cho ông B 20.000.000 đồng vì ông đã trả xong và là tiền nhận cọc lúa.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B, buộc bị đơn ông B trả số tiền 20.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của ông B đòi bị đơn bà P cùng ông B trả số tiền trên do không chứng minh được việc bà P cùng sử dụng số tiền trên, đồng thời ông B trình bày tiền chi tiêu cho cá nhân, về án phí buộc ông B chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án dân sự và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông B yêu cầu các bị đơn trả tiền vay 20.000.000 đồng. Bị đơn ông Thái Văn B thừa nhận có nợ 20.000.000 đồng nhưng đã trả xong trả cho ông T là người nhận hộ cho ông B, nhưng ông B và bà Phạm Thị D đại diện cho ông B không thừa nhận đã nhận số tiền 20.000.000 đồng thì ngoài lời trình bày ra ông B không có chứng cứ chứng minh đã trả cho ông B 20.000.000 đồng. Mặt khác ông B cho rằng trả số tiền 20.000.000 đồng giao cho ông T nhận nhưng Tòa án đã thông báo yêu cầu ông B cung cấp tên họ, địa chỉ của ông T để chứng minh cho yêu cầu của ông B nhưng ông B vẫn không cung cấp được họ tên, địa chỉ của ông T cho Tòa án nên không có căn cứ ông T có nhận tiền của ông B để trả cho ông B, nên Hội đồng xét xử xác định hiện ông B còn nợ của ông B số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với số tiền 20.000.000 đồng ông B trình bày tiền vay, còn ông B cho rằng tiền đặt cọc lúa nhưng hai bên đều không có giấy tờ xác lập. Tuy nhiên trong đoạn ghi âm nói chuyện giữa ông B với ông B thì ông B thừa nhận có nợ tiền của ông B nên Hội đồng xét xử xác định số tiền ông B nợ của ông B là tiền vay không có lãi. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị

đơn ông B có nghĩa vụ trả số tiền vay 20.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật được chấp nhận.

[2.2] Đối với nguyên đơn ông B yêu cầu bị đơn bà P cùng ông B liên đới trả số tiền 20.000.000 đồng, nhưng bà P vắng mặt không có ý kiến trình bày, tuy nhiên trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông B trình bày số tiền 20.000.000 đồng ông tiêu dùng cho cá nhân, không chi tiêu cho gia đình. Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng “*Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”, đối chiếu với quy định trên việc ông B vay tiền không sử dụng nhằm mục đích sinh hoạt đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, đồng thời nguyên đơn không chứng minh được ông B vay để chi tiêu gia đình, do đó bà P không có nghĩa vụ đối với số nợ trên là phù hợp quy định của pháp luật. Nên nguyên đơn ông B yêu cầu bà P có nghĩa vụ liên đới cùng ông B trả số tiền 20.000.000 đồng không được chấp nhận.

[3] Nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận nên bị đơn ông B phải chịu án phí 5% trên số tiền phải trả theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Từ phân tích nêu trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Anh B về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Thái Văn B; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị P cùng ông B trả nợ.

Buộc bị đơn ông Thái Văn B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Trương Anh B số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bị đơn ông Thái Văn B phải chịu tiền án phí 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Nguyên đơn ông Trương Anh B được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001162 ngày 21-10-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bà Nguyễn Thị P vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Nam